

NGHỊ QUYẾT

**Về quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức,
Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ,
người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, khu phố
chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;
sắp xếp, thôn, bản, khu phố thuộc tỉnh Quảng Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 653/2019/UBTWQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp
huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021;*

*Xét Tờ trình số 8616/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành nghị quyết hỗ trợ cán bộ, công chức,
viên chức, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, người hoạt động không
chuyên trách cấp xã, thôn, bản, khu phố đôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính
tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2019 - 2021; Báo cáo thẩm tra số 914/BC-HĐND
ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận, thống nhất
của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này áp dụng đối với các đối tượng đang làm việc tại các đơn vị chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; sắp xếp thôn, bản, khu phố thuộc tỉnh Quảng Ninh, bao gồm:

1. Các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, cấp xã.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước cấp huyện.

3. Các tổ chức Hội được giao biên chế thuộc cấp huyện.

4. Thôn, bản, khu phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm nhưng chưa đến tuổi nghỉ hưu giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính.

2. Cán bộ, công chức, viên chức thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm, bầu cử vào chức vụ khác có phụ cấp chức vụ lãnh đạo mới thấp hơn chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính.

3. Cán bộ, công chức cấp huyện; Cán bộ, công chức cấp xã; viên chức thuộc các đơn vị, tổ chức Hội được giao biên chế cấp huyện chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính.

4. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, khu phố được quy định tại Nghị quyết số 207/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính xã; sắp xếp thôn, bản, khu phố.

5. Hợp đồng 68 làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính.

Điều 3. Đối tượng không áp dụng

1. Cán bộ đã được giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, trước thời điểm nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, Hợp đồng 68 đã được giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, trước thời điểm nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Cán bộ, công chức, viên chức, Hợp đồng 68 đã được giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị quyết số 206/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ có nguyện vọng nghỉ công tác để giải quyết chế độ hưu trí hoặc thôi việc.

4. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, khu phố là cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm.

5. Người hoạt động không chuyên trách đã nghỉ công tác trước thời điểm sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã, thôn, bản, khu phố.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ

Các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được hưởng một trong các chính sách hỗ trợ sau (trường hợp đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách thì chỉ được hưởng chính sách có mức hỗ trợ cao nhất):

1. Hỗ trợ đối với người thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm, bầu cử vào chức vụ mới có phụ cấp chức vụ thấp hơn so với phụ cấp chức vụ đang hưởng

Đối tượng quy định tại các Khoản 1, 2 Điều 2 Nghị quyết này do sắp xếp đơn vị hành chính mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm, bầu cử vào chức vụ mới có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang hưởng, ngoài việc được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang hưởng đến hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm hoặc hết nhiệm kỳ bầu cử (trường hợp đã giữ chức vụ theo thời hạn được bổ nhiệm hoặc nhiệm kỳ bầu cử còn dưới 06 tháng thì được bảo lưu 06 tháng) còn được tính hỗ trợ một lần bằng tiền tương đương với 60 tháng chênh lệch giữa mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ với mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo mới tại thời điểm thôi giữ chức vụ lãnh đạo cũ.

2. Hỗ trợ đối với người nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc ngay

a) Đối tượng quy định tại các Khoản 1, 3, 5 Điều 2 Nghị quyết này có tuổi từ đủ 55 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên hoặc có đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đến dưới 50 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên ngoài việc được hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo quy định hiện hành còn được Tỉnh hỗ trợ: 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định về tuổi nghỉ hưu tại Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội; 05 tháng tiền lương bình quân cho 20 năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội, từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp $\frac{1}{2}$ tháng tiền lương.

b) Đối tượng quy định tại các Khoản 3, 5 Điều 2 Nghị quyết này có tuổi đời dưới 53 tuổi đối với nam, dưới 48 tuổi đối với nữ và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ hoặc có tuổi đời dưới 58 tuổi đối với nam, dưới 53 tuổi đối với nữ và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, nếu thôi việc ngay thì ngoài việc được hưởng trợ cấp thôi việc ngay theo quy định hiện hành còn được tính

hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm và 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

3. Hỗ trợ đối với người nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu

Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này còn thời gian công tác dưới 02 năm (24 tháng) mới đến tuổi nghỉ hưu theo quy định, không có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc ngay, thì được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 26/2015/NĐ-CP và được Tỉnh hỗ trợ một lần bằng tiền tương đương với 06 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu.

4. Hỗ trợ đối với người chuyển công tác ra ngoài khu vực nhà nước hoặc ra tỉnh ngoài

Đối tượng quy định tại các Khoản 1, 3, 5 Điều 2 nghị quyết này được hỗ trợ một lần bằng tiền tương đương 06 tháng tiền lương hiện hưởng tại thời điểm chuyển công tác, ngoài ra cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được hỗ trợ 01 tháng tiền lương bình quân.

5. Hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, khu phố

Hỗ trợ một lần bằng tiền tương đương 02 lần mức phụ cấp hàng tháng hiện đang hưởng tại thời điểm nghỉ công tác theo quy định tại Nghị quyết số 207/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIII cho mỗi năm đã công tác.

Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, khu phố có thời gian đảm nhiệm các chức danh hoạt động không chuyên trách khác nhau ở cấp xã và ở thôn, bản, khu phố theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh thì thời gian hỗ trợ được tính bằng thời gian làm việc liên tục, không gián đoạn đảm nhiệm các chức danh đến thời điểm có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc miễn nhiệm hoặc thôi bổ trí hoặc thôi hưởng phụ cấp.

Thời gian công tác liên tục là thời gian đảm nhận các chức danh không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, khu phố theo quy định không gián đoạn tính đến thời điểm nghỉ công tác do sắp xếp lại các đơn vị cấp xã và thôn, bản, khu phố. Trong cùng một thời gian, một người đảm nhận nhiều chức danh không chuyên trách thì cũng chỉ tính 01 lần thời gian công tác.

6. Cách tính hỗ trợ

a) Tiền lương hiện hưởng bao gồm tiền lương theo ngạch (chức danh nghề nghiệp), bậc hoặc theo bảng lương; các khoản phụ cấp: phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và mức chênh lệch phụ cấp bảo lưu (nếu có) theo quy định của pháp luật.

b) Tiền lương bình quân là bình quân tiền lương tháng thực lĩnh của 05 năm cuối (60 tháng) trước khi nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc ngay. Đối với những trường hợp chưa đủ 05 năm (60 tháng) công tác thì được tính bình quân tiền lương tháng thực lĩnh của toàn bộ thời gian công tác.

c) Mức lương cơ sở: Được xác định theo mức lương cơ sở quy định của Chính phủ tại thời điểm nghỉ công tác của đối tượng được hỗ trợ.

d) Thời gian tính hưởng hỗ trợ có số tháng lẻ thì tính như sau: Dưới 06 tháng tính là $\frac{1}{2}$ năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng thì tính tròn là 01 năm.

e) Cán bộ, công chức, viên chức, Hợp đồng 68, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, khu phố thuộc tỉnh đã được hưởng chính sách hỗ trợ tại nghị quyết này phải hoàn trả lại số tiền hỗ trợ đã nhận nếu được bầu, tuyển dụng, ký hợp đồng lao động lại vào các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh hoặc bố trí lại đảm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, khu phố thuộc tỉnh.

Cơ quan, đơn vị bầu, tuyển dụng, ký hợp đồng lao động lại người đã nhận hỗ trợ theo quy định tại nghị quyết này có trách nhiệm thu hồi số tiền hỗ trợ đã nhận và nộp vào ngân sách địa phương.

7. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách địa phương theo phân cấp.

8. Thời gian thực hiện: Kể từ ngày nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 30/6/2020.

Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

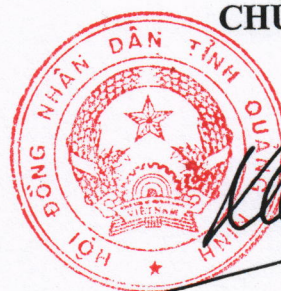
1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2019. 

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBTV Quốc hội;
- Các bộ: Tài chính, Tư pháp, Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, PC3.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Ký